



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: [www.capnuocthaibinh.com](http://www.capnuocthaibinh.com)

Số phiếu kết quả: 08/KQXN 22.06.2026

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM**



**I. Thông tin mẫu:**

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

09.06.26.A5 (M1): Vòi phát xí nghiệp nước Thành Phố

09.06.26.A6 (M2): GD Trần Văn Hà, số nhà 109, Trần Bình Trọng, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Thành Phố

5. Địa chỉ: Số 02 đường Trần Thủ Độ – Phường Thái Bình – Tỉnh Hưng Yên

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Nguyễn Thị Anh Thơ

7. Ngày nhận mẫu: 09/06/2026

8. Thời gian thí nghiệm: 09/06/2026

**II. Kết quả phân tích:**

1. Chỉ tiêu hóa lý:

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm                           | Phương pháp                      | Kết quả            |                    | Đơn vị        | QCVN<br>01-1:2024/BYT |
|----|-----------------------------------------------|----------------------------------|--------------------|--------------------|---------------|-----------------------|
|    |                                               |                                  | M1                 | M2                 |               |                       |
| 1. | Màu sắc (*)                                   | Hach Method 8025<br>(LoD= 1.13)  | KPH                | KPH                | mg/L<br>Pt-Co | 15                    |
| 2. | Mùi vị                                        | Cảm quan                         | Không có<br>mùi lạ | Không có<br>mùi lạ | /             | Không có mùi<br>lạ    |
| 3. | pH (*)                                        | TCVN 6492:2011                   | 7.78               | 7.80               | /             | 6.0 → 8.5             |
| 4. | Độ đục (*)                                    | TCVN 12402-1:2020                | 0.208              | 0.28               | NTU           | 2                     |
| 5. | Clo dư (*)                                    | Hach Method 8021<br>(LoD= 0.05)  | 0.45               | 0.21               | mg/L          | 0.2 → 1.0             |
| 6. | Sắt (Fe) (*)                                  | Hach Method 8008<br>(LoD= 0.012) | KPH                | KPH                | mg/L          | 0.3                   |
| 7. | Mangan (Mn) (*)                               | Hach Method 8149<br>(LoD= 0.006) | KPH                | KPH                | mg/L          | 0.1                   |
| 8. | Độ cứng tổng (theo<br>CaCO <sub>3</sub> ) (*) | TCVN 6224:1996<br>(LoD= 8.02)    | 95                 | 105                | mg/L          | 300                   |
| 9. | Hàm lượng Amoni (*)                           | Hach Method 8038<br>(LoD= 0.02)  | 0.09               | 0.09               | mg/L          | 1                     |

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới, mọi thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. “\*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. “\*\*\*” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Q.15-F01, Rv02-20/12/2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: [www.capnuocthaibinh.com](http://www.capnuocthaibinh.com)

Số phiếu kết quả: 08/KQXN 22.06.2026

| TT  | Chỉ tiêu thử nghiệm                                   | Phương pháp                     | Kết quả                   |                           | Đơn vị | QCVN 01-1:2024/BYT |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|--------|--------------------|
|     |                                                       |                                 | M1                        | M2                        |        |                    |
| 10. | Nitrit ( NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N)(*) | Hach Method 8507 ( LoD= 0.0015) | < 0.0052                  | < 0.0052                  | mg/L   | 0.9                |
| 11. | Hàm lượng Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )(*) | Hach Method 8051 ( LoD= 1.22)   | 8                         | 8                         | mg/L   | 250                |
| 12. | Chỉ số Pecmanganat (*)                                | TCVN 6186:1996 ( LoD= 0.10)     | < 0.34                    | 0.38                      | mg/L   | 2                  |
| 13. | Hàm lượng muối Clorua (*)                             | TCVN 6194:1996 ( LoD= 1.20)     | 4.96                      | 6.38                      | mg/L   | 250 hoặc 300       |
| 14. | Hàm lượng Asen (**)                                   | SMEWW3114 B:2023                | < 0.3x10 <sup>-3(b)</sup> | < 0.3x10 <sup>-3(b)</sup> | mg/L   | 0.01               |

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp      | Kết quả |     | Đơn vị    | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|---------------------|------------------|---------|-----|-----------|--------------------|
|    |                     |                  | M1      | M2  |           |                    |
| 1. | Coliform (**)       | TCVN 6187-1:2019 | KPH     | KPH | CFU/100ml | < 1                |
| 2. | E.coli (**)         | TCVN6187-1:2019  | KPH     | KPH | CFU/100ml | < 1                |

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện ( Kết quả dưới mức LoD).
- LoD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml

Hưng Yên, ngày 22 tháng 06 năm 2026

**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**



**Trần Văn Đức**

**TRƯỞNG PHÒNG KH-KT**

**Nguyễn Trung Kiên**

**Phùng Thị Thu Hà**

- Lưu ý:
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới, mọi thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
  2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
  3. “\*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
  4. “\*\*” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.